

# **Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai**

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



# Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 29

# Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("Giấy CNĐKKD") số 3903000196 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, và theo các Giấy CNĐKKD điều chỉnh như sau:

GCNĐKKD điều chỉnh:

Ngày:

Số 3903000196

Từ lần thứ nhất đến lần thứ ba

Từ năm 2008 đến ngày 2 tháng 4 năm 2013

Số 5900288566

Từ lần thứ tư đến lần thứ tám

Từ ngày 18 tháng 10 năm 2013

đến ngày 2 tháng 4 năm 2015

Lần thứ chín

Ngày 13 tháng 4 năm 2016

Điều chỉnh lần thứ 9 vào ngày 13 tháng 4 năm 2016 phê duyệt việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Hoạt động kinh doanh theo Giấy CNĐKKD của Công ty là xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê An Khang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên
Ông Trần Đình Lợi	Thành viên
Ông Đinh Châu Hiếu Thiện	Thành viên
Ông Hà Nguyên Hoàng	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hàn Phi Hải	Trưởng ban	
Bà Vũ Thị Kiều Vân	Thành viên	
Bà Đỗ Vũ Hải Hà	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 3 năm 2016
Bà Trần Thị Thu Hồng	Thành viên	từ nhiệm ngày 17 tháng 3 năm 2016

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trịnh Vinh Thanh	Giám đốc	
Ông Đoàn Văn Sơn	Phó Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2016

# Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê An Khang.

Ông Trịnh Vinh Thanh được Ông Lê An Khang ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Quyết định số 25/2015-QĐ-CT.HĐQT ngày 20 tháng 11 năm 2015.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Giám đốc cần phải:

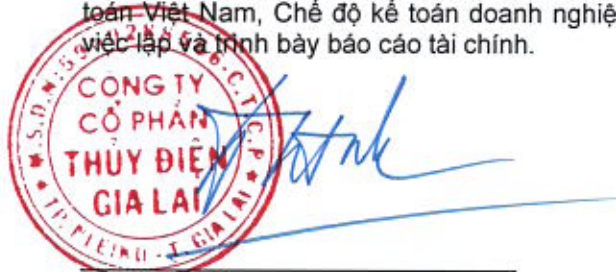
- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của tôi, Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trịnh Vinh Thanh  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61121146/18592623

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("Công ty") được lập ngày 10 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### *Trách nhiệm của Giám đốc*

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

11/11/2017 - 12/11/2017

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Đoàn Thị Thu Thủy  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1070-2013-004-1



Đặng Minh Tài  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2815-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

081  
ÔN  
NH  
ST  
IỆ  
T/F

11-1-2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>112.755.773.050</b>	<b>100.713.519.428</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>20.757.627.323</b>	<b>67.095.462.041</b>
111	1. Tiền		257.627.323	3.895.462.041
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.500.000.000	63.200.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>89.641.834.509</b>	<b>31.254.539.359</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	22	45.576.299.046	30.687.273.320
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		340.500.000	294.047.150
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	43.725.035.463	273.218.889
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>2.285.325.182</b>	<b>2.301.970.810</b>
141	1. Hàng tồn kho	6	2.285.325.182	2.301.970.810
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>70.986.036</b>	<b>61.547.218</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	63.614.342	25.632.727
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		7.371.694	35.914.491
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>250.085.598.712</b>	<b>316.299.193.670</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>237.098.194.617</b>	<b>258.191.648.987</b>
221	1. Tài sản hữu hình	7	235.660.604.942	256.745.428.612
222	Nguyên giá		394.231.384.979	392.984.322.886
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(158.570.780.037)	(136.238.894.274)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	1.437.589.675	1.446.220.375
228	Nguyên giá		1.492.970.000	1.492.970.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(55.380.325)	(46.749.625)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>12.740.433</b>
242	1. Xây dựng cơ bản dở dang		-	12.740.433
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>12.100.000.000</b>	<b>57.100.000.000</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		12.000.000.000	12.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		100.000.000	45.100.000.000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>887.404.095</b>	<b>994.804.250</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	887.404.095	994.804.250
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>362.841.371.762</b>	<b>417.012.713.098</b>




BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>65.231.083.808</b>	<b>123.073.722.121</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>65.231.083.808</b>	<b>89.575.189.290</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	822.573.050	185.054.511
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	7.861.234.950	4.970.830.811
314	3. Phải trả người lao động		1.143.796.852	758.727.548
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		18.500.000	40.000.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	48.836.478.414	58.806.358.466
320	6. Vay ngắn hạn	14	-	21.197.628.192
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.548.500.542	3.616.589.762
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	<b>33.498.532.831</b>
338	1. Vay dài hạn	14	-	33.498.532.831
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>297.610.287.954</b>	<b>293.938.990.977</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15.1</b>	<b>297.610.287.954</b>	<b>293.938.990.977</b>
411	1. Vốn cổ phần		205.000.000.000	205.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		205.000.000.000	205.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		52.499.670.000	52.499.670.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		28.883.472.879	28.883.472.879
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.227.145.075	7.555.848.098
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		877.188.123	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		10.349.956.952	7.555.848.098
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>362.841.371.762</b>	<b>447.012.713.098</b>

  
Võ Thị Tuyết Điệp  
Người lập

  
Võ Thị Tuyết Điệp  
Kế toán trưởng



  
Trịnh Vinh Thanh  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng		115.699.076.272	119.539.320.793
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng	16.1	115.699.076.272	119.539.320.793
11	3. Giá vốn hàng bán	17, 20	41.069.897.170	48.565.231.454
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng		74.629.179.102	70.974.089.339
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	7.393.247.688	7.969.258.542
22	6. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	18	2.352.742.493 2.342.976.701	5.237.129.136 4.951.395.612
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19, 20	3.785.061.110	4.285.807.587
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		75.884.623.187	69.420.411.158
31	9. Thu nhập khác		194.088.119	2.962.909
32	10. Chi phí khác		363.439.308	50.806.468
40	11. Lỗ khác		(169.351.189)	(47.843.559)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		75.715.271.998	69.372.567.599
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	6.557.422.575	6.318.907.624
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		69.157.849.423	63.053.659.975
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.4	3.205	3.000
71	16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	15.4	3.205	3.000

Võ Thị Tuyết Điệp  
Người lập

Võ Thị Tuyết Điệp  
Kế toán trưởng



Trịnh Vĩnh Thanh  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>75.715.271.998</b>	<b>69.372.567.599</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	7, 8	22.398.150.547	22.396.390.837
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	232.270.836
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(7.396.307.165)	(7.969.258.542)
06	Chi phí lãi vay	18	2.342.976.701	4.951.395.612
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>93.060.092.081</b>	<b>88.983.366.342</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(15.160.295.294)	(16.823.159.537)
10	Giảm hàng tồn kho		16.645.628	158.454.170
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		3.801.461.167	(97.921.803)
12	Giảm chi phí trả trước		69.418.540	3.419.824.091
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.342.976.701)	(4.951.395.612)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(5.846.137.809)	(5.792.668.108)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.079.641.666)	(1.949.977.562)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>71.518.565.946</b>	<b>62.946.521.981</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(1.423.803.660)	(981.994.252)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		144.645.456	-
24	Tiền thu hồi cho vay		-	82.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(33.589.860.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.316.438.000	12.140.879.600
27	Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi		2.868.614.566	1.922.308.053
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>7.905.894.362</b>	<b>61.491.333.401</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(54.696.161.023)	(21.227.258.784)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông	15.5	(71.066.134.003)	(51.120.786.100)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(125.762.295.026)</b>	<b>(72.348.044.884)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong năm		(46.337.834.718)	52.089.810.498
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		67.095.462.041	15.005.651.543
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	20.757.627.323	67.095.462.041



Võ Thị Tuyết Diệp  
Người lập



Võ Thị Tuyết Diệp  
Kế toán trưởng



Trịnh Vinh Thanh  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("Giấy CNĐKKD") số 3903000196 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, và theo các Giấy CNĐKKD điều chỉnh như sau:

<u>GCNĐKKD điều chỉnh:</u>	<u>Ngày:</u>
Số 3903000196	
Từ lần thứ nhất đến lần thứ ba	Từ năm 2008 đến ngày 2 tháng 4 năm 2013
Số 5900288566	
Từ lần thứ tư đến lần thứ tám	Từ ngày 18 tháng 10 năm 2013 đến ngày 2 tháng 4 năm 2015
Lần thứ chín	Ngày 13 tháng 4 năm 2016

Điều chỉnh lần thứ 9 vào ngày 13 tháng 4 năm 2016 phê duyệt việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Hoạt động kinh doanh theo Giấy CNĐKKD của Công ty là xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 47 (31 tháng 12 năm 2015: 54).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nhiên liệu, công cụ và dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5 Tài sản vô hình**

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất lâu dài thì không được trích hao mòn.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	43 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	13 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 - 25 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được ghi nhận như khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

▶ *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề xuất bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

#### 3.13 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán ra và chuyển tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	6.694.684	16.337.202
Tiền gửi ngân hàng	250.932.639	3.879.124.839
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>20.500.000.000</u>	<u>63.200.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.757.627.323</u></b>	<b><u>67.095.462.041</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc từ một (1) đến hai (2) tháng và hưởng lãi suất 4,3% một năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư	43.369.491.225	-
Tạm ứng cho nhân viên	171.902.900	-
Lãi phải thu	102.184.723	273.218.889
Khác	<u>81.456.615</u>	<u>-</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>43.725.035.463</u></b>	<b><u>273.218.889</u></b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 22)</i>	43.369.491.225	-
<i>Phải thu các bên khác</i>	<u>355.544.238</u>	<u>273.218.889</u>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.885.612.652	1.983.640.260
Nhiên liệu	<u>399.712.530</u>	<u>318.330.550</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.285.325.182</u></b>	<b><u>2.301.970.810</u></b>

# Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## 7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						VND
Số đầu năm	193.478.121.738	154.777.276.171	4.903.660.391	161.650.000	39.663.614.586	392.984.322.886
Mua mới trong năm	-	1.436.544.093	-	-	-	1.436.544.093
Thanh lý	-	(189.482.000)	-	-	-	(189.482.000)
Số cuối năm	193.478.121.738	156.024.338.264	4.903.660.391	161.650.000	39.663.614.586	394.231.384.979
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>						
Số đầu năm	63.169.376.500	53.840.901.740	1.347.445.053	6.507.276	17.874.663.705	136.238.894.274
Khấu hao trong năm	9.859.978.080	9.044.777.275	448.663.092	28.205.004	3.007.896.396	22.389.519.847
Thanh lý	-	(57.634.084)	-	-	-	(57.634.084)
Số cuối năm	73.029.354.580	62.828.044.931	1.796.108.145	34.712.280	20.882.560.101	158.570.780.037
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	130.308.745.238	100.936.374.431	3.556.215.338	155.142.724	21.788.950.881	256.745.428.612
Số cuối năm	120.448.767.158	93.196.293.333	3.107.552.246	126.937.720	18.781.054.485	235.660.604.942

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	<i>VND</i> <i>Quyền sử dụng đất</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm và số cuối năm	1.492.970.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số đầu năm	46.749.625
Hao mòn trong năm	8.630.700
Số cuối năm	55.380.325
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	1.446.220.375
Số đầu năm	1.437.589.675

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất không có thời hạn của lô đất với giá trị là 1.121.850.000 VND và không được hao mòn trong năm.

**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty liên kết (*)	12.000.000.000	12.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (**)	100.000.000	45.100.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.100.000.000</b>	<b>57.100.000.000</b>

(\*) Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá mua của khoản đầu tư</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá mua của khoản đầu tư</i>
	<i>(%)</i>	<i>VND</i>	<i>(%)</i>	<i>VND</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ (i)	30	12.000.000.000	30	12.000.000.000

(i) Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ ("Thượng Lộ") là một công ty cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("Giấy CNĐKKD") số 3301515921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp vào ngày 2 tháng 4 năm 2013 và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh. Thượng Lộ có trụ sở đăng ký tại Số 189 Đường Phạm Văn Đồng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoạt động chính của Thượng Lộ là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

(\*\*) Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá mua của khoản đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá mua của khoản đầu tư
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH GKC (i)	0,07	100.000.000	0,07	100.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú (ii)	-	-	15	45.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>100.000.000</b>		<b>45.100.000.000</b>

(i) Công ty TNHH GKC ("GKC") là một công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên hoạt động theo Giấy CNĐKKD số 6101145316 do Sở KH&ĐT Tỉnh Kon Tum cấp vào ngày 30 tháng 8 năm 2012, và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh. GKC có trụ sở đăng ký tại Thôn Măng Đen, Xã Đăk Long, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum. Hoạt động chính của GKC là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

(ii) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Thủy Điện Trường Phú theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/2016/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 6 năm 2016.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm	63.614.342	25.632.727
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	539.107.747	954.531.637
Công cụ, dụng cụ	348.296.348	40.272.613
	887.404.095	994.804.250
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>951.018.437</b>	<b>1.020.436.977</b>

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	749.130.000	73.350.631
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	-	39.361.630
Phải trả cho người bán khác	73.443.050	72.342.250
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>822.573.050</b>	<b>185.054.511</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.457.259.969	6.557.422.575	(5.846.137.809)	4.168.544.735
Thuế tài nguyên	368.185.435	8.193.729.431	(7.018.562.295)	1.543.352.571
Thuế giá trị gia tăng	1.145.385.407	11.602.501.232	(10.598.548.995)	2.149.337.644
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.970.830.811</b>	<b>26.353.653.238</b>	<b>(23.463.249.099)</b>	<b>7.861.234.950</b>

**13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	47.422.678.252	58.013.812.255
Phí bảo vệ môi trường rừng	1.066.992.880	652.535.080
Khác	346.807.282	140.011.131
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>48.836.478.414</b>	<b>58.806.358.466</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 22)</i>	27.585.125.800	34.568.131.950
<i>Phải trả các bên khác</i>	21.251.352.614	24.238.226.516

**14. VAY**

	VND		
	Số đầu năm	Trả nợ vay	Số cuối năm
Vay ngân hàng	54.696.161.023	54.696.161.023	-
<i>Trong đó:</i>			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	21.197.628.192		-
<i>Vay dài hạn</i>	33.498.532.831		-

# Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## 15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	205.000.000.000	52.499.670.000	28.883.472.879	877.188.123	287.260.331.002
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	63.053.659.975	63.053.659.975
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(56.375.000.000)	(56.375.000.000)
Số cuối năm	205.000.000.000	52.499.670.000	28.883.472.879	7.555.848.098	293.938.990.977
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	205.000.000.000	52.499.670.000	28.883.472.879	7.555.848.098	293.938.990.977
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	69.157.849.423	69.157.849.423
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.011.552.446)	(5.011.552.446)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(60.475.000.000)	(60.475.000.000)
Số cuối năm	205.000.000.000	52.499.670.000	28.883.472.879	11.227.145.075	297.610.287.954



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**15.2 Vốn cổ phần**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
	VND	Cổ phiếu	%	VND	Cổ phiếu	%
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	119.193.640.000	11.919.364	58,14	119.193.640.000	11.919.364	58,14
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	6.000.000.000	600.000	2,93	6.000.000.000	600.000	2,93
Các cổ đồng khác	79.806.360.000	7.980.636	38,93	79.806.360.000	7.980.636	38,93
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>205.000.000.000</b>	<b>20.500.000</b>	<b>100</b>	<b>205.000.000.000</b>	<b>20.500.000</b>	<b>100</b>

**15.3 Cổ phiếu – cổ phiếu phổ thông**

	Số cuối năm	Số cổ phiếu Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	20.500.000	20.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	20.500.000	20.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	20.500.000	20.500.000

**15.4 Lãi trên cổ phiếu**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	69.157.849.423	63.053.659.975
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập (*)	(3.457.892.471)	(1.553.659.975)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>65.699.956.952</b>	<b>61.500.000.000</b>
Số lượng cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	20.500.000	20.500.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
- Lãi cơ bản	3.205	3.000
- Lãi suy giảm	3.205	3.000

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập của năm nay theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và đề xuất này sẽ được xem xét và chấp thuận bởi các cổ đồng của Công ty tại Đại hội đồng Cổ đồng Thường niên, dự kiến được tổ chức vào tháng 4 năm 2017.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**15.5 Cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức công bố trong năm	60.475.000.000	56.375.000.000
Cổ tức đã trả trong năm	71.066.134.003	51.120.786.100

**16. DOANH THU**

**16.1 Doanh thu thuần về bán hàng**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện	<u>115.699.076.272</u>	<u>119.539.320.793</u>
Trong đó:		
Doanh thu phát sinh với bên liên quan (Thuyết minh số 22)	115.699.076.272	119.539.320.793

**16.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	4.500.000.000	5.773.731.600
Lãi trả chậm	1.860.455.295	-
Lãi tiền gửi	1.023.054.330	1.316.869.998
Lãi cho bên liên quan vay	-	878.656.944
Lãi chênh lệch tỷ giá	<u>9.738.063</u>	<u>-</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.393.247.688</u></b>	<b><u>7.969.258.542</u></b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện	<u>41.069.897.170</u>	<u>48.565.231.454</u>

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.342.976.701	4.951.395.612
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	<u>9.765.792</u>	<u>285.733.524</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.352.742.493</u></b>	<b><u>5.237.129.136</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	1.773.495.692	1.974.598.013
Chi phí khấu hao và hao mòn	143.195.835	282.047.985
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	54.393.666	191.511.136
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.873.786	20.101.793
Chi phí khác	1.797.102.131	1.817.548.660
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.785.061.110</u></b>	<b><u>4.285.807.587</u></b>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao và hao mòn	22.234.806.237	22.396.390.837
Chi phí nhân công	7.281.283.992	7.267.886.254
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	336.740.209	481.322.951
Chi phí dịch vụ mua ngoài	194.194.329	348.437.035
Chi phí khác	14.807.933.513	22.357.001.964
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>44.854.958.280</u></b>	<b><u>52.851.039.041</u></b>

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế (2015: 22%).

Đối với Dự án Thủy điện H'Chan, Công ty được áp dụng mức thuế suất 10% trong vòng mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (là năm 2006), được miễn thuế bốn (4) năm (từ năm 2006 đến năm 2009) và được giảm 50% thuế TNDN cho chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018) kể từ khi có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại.

Đối với Dự án Thủy điện H'Mun, Công ty được giảm 50% thuế TNDN cho chín (9) năm (từ năm 2015 đến năm 2023).

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**21.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.557.422.575	6.161.278.213
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	-	157.629.411
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.557.422.575</b>	<b>6.318.907.624</b>

**21.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thu nhập chịu thuế được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>75.715.271.998</b>	<b>69.372.567.599</b>
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	642.938.403	585.063.938
Thù lao Hội đồng Quản trị	399.000.000	399.000.000
Điều chỉnh khác	-	(691.506.775)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>76.757.210.401</b>	<b>69.665.124.762</b>
<i>Trong đó:</i>		
Dự án Thủy điện H'Chan	35.082.879.881	35.616.599.779
Dự án Thủy điện H'Mun	35.315.875.225	28.274.793.383
Khác	6.358.455.295	5.773.731.600
<b>Thuế TNDN ước tính phải nộp</b>	<b>6.557.422.575</b>	<b>6.161.278.213</b>
<i>Trong đó:</i>		
Dự án Thủy điện H'Chan	1.754.143.993	1.780.829.989
Dự án Thủy điện H'Mun	3.531.587.523	3.110.227.272
Khác	1.271.691.059	1.270.220.952
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	157.629.411
<b>Chi phí thuế TNDN trong năm</b>	<b>6.557.422.575</b>	<b>6.318.907.624</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	3.457.259.969	2.931.020.453
Thuế TNDN đã trả trong năm	(5.846.137.809)	(5.792.668.108)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>4.168.544.735</b>	<b>3.457.259.969</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan*

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đồng	Bán điện	115.699.076.272	119.539.320.793
		Cổ tức đã công bố	1.770.000.000	1.650.000.000
		Mua điện	120.747.350	140.483.486
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Cổ tức đã công bố	35.162.123.800	32.778.251.000
		Mua dịch vụ	1.289.315.066	3.204.926.049
		Mua hàng hóa	58.300.000	17.446.432
		Cung cấp dịch vụ	165.213.306	-
		Bán tài sản	144.645.456	-
		Khác	1.164.651.972	173.824.319
	Lãi cho vay	-	878.656.944	
Công ty TNHH Một Thành viên Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Bên liên quan	Mua dịch vụ	109.951.240	819.084.565
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Thanh lý khoản đầu tư	49.500.000.000	-
		Lãi trả chậm	1.860.455.295	-
Công ty TNHH MTV Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai	Bên liên quan	Mua dịch vụ	29.056.182	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>				
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đồng	Bán điện	45.576.299.046	30.687.273.320
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Thanh lý khoản đầu tư	43.183.562.000	-
		Lãi trả chậm	185.929.225	-
			<b>43.369.491.225</b>	<b>-</b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	749.130.000	5.703.213
Công ty TNHH Một Thành viên Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Bên liên quan	Mua dịch vụ	-	50.038.156
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đồng	Mua dịch vụ	-	17.609.262
			<b>749.130.000</b>	<b>73.350.631</b>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Cổ tức	26.222.600.800	32.778.251.000
		Chi hộ	42.525.000	139.880.950
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đồng	Cổ tức	1.320.000.000	1.650.000.000
			<b>27.585.125.800</b>	<b>34.568.131.950</b>

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm nay và năm trước như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	1.482.281.774	1.751.542.308

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**23 TÀI SẢN ĐẢM BẢO CHO CÁC KHOẢN VAY**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã sử dụng một phần tài sản cố định thuộc dự án thủy điện H'Chan và H'Mun, được định giá với số tiền là 761.400.000.000 VND, làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng của bên liên quan. Ngân hàng có trách nhiệm trả lại các tài sản cố định này cho Công ty. Không có các điều khoản quan trọng khác liên quan đến việc sử dụng tài sản thế chấp này.

**24. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



\_\_\_\_\_  
Võ Thị Tuyết Điệp  
Người lập



\_\_\_\_\_  
Võ Thị Tuyết Điệp  
Kế toán trưởng



\_\_\_\_\_  
Trịnh Vinh Thanh  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017